TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/DS-PT
Ngày : 10 - 3 - 2020
V/v tranh chấp Hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Bà Sơn Nữ Phà Ca

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Thuận – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Nguyễn Văn Bé Tư – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2020/TLPT – DS ngày 07 tháng 01 năm 2020, về tranh chấp hụi.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2019/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 52/2020/QĐPT-DS ngày 17 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Ngọc D; địa chỉ: xã TL, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phan Hồng C; địa chỉ: xã TL, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Phan Hồng C: Anh Huỳnh Duy K; địa chỉ: Xã HT, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ngày 26/12/2019) có mặt.

3. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan

3.1. Ông Trần Văn N; địa chỉ: xã TL, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Văn N: Bà Phan Hồng C; địa chỉ: xã TL, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ngày 14/10/2019) có mặt.

3.2. Anh Trịnh Hiếu N; địa chỉ: xã TL, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của anh Trịnh Hiếu N: Chị Trần Ngọc D; địa chỉ: xã TL, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ngày 08/10/2019) có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 7 năm 2019, bản tự khai cùng ngày và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Ngọc D trình bày:

Năm 2016 chị là chủ 02 dây hụi có lãi, hụi giá 1.000.000 đồng/phần, mỗi tháng mở một kỳ, chủ hụi hưởng hoa hồng 400.000 đồng/một kỳ mở hụi, bà C là hụi viên tham gia 02 dây hụi cụ thể như sau:

1. Dây hụi thứ nhất: 28 phần, bà C tham gia 01 phần, kỳ mở hụi đầu tiên vào ngày 16/9/2016 (al) bà C đưa ra mức lãi cao nhất (kêu 350.000 đồng) nên được hốt hụi bằng số tiền 17.550.000 đồng, trừ hoa hồng cho chủ hụi còn thực nhận 17.150.000 đồng, sau đó bà đóng lại 11 kỳ hụi chết bằng 11.000.000 đồng rồi ngưng, cho đến khi kết thúc dây hụi vào ngày 16/11/2018 (al) còn 16 kỳ bằng 16.000.000 đồng không đóng.

2. Dây hụi thứ hai: 31 phần, bà C tham gia 01 phần, mở hụi lần đầu ngày 29/8/2016 (al), bà đóng hụi sống được 09 kỳ đến kỳ mở hụi thứ 10 ngày vào 29/5/2017 (al) bà trả lãi cao nhất (kêu 330.000 đồng) nên được hốt hụi bằng số tiền 23.070.000 đồng, trừ tiền hoa hồng cho chủ hụi còn thực nhận 22.670.000 đồng, sau đó bà đóng hụi chết được 03 kỳ bằng 3.000.000 đồng rồi ngưng, cho đến khi kết thúc dây hụi vào ngày 29/01/2019 (al) còn lại 18 kỳ tương đương 18.000.000 đồng không đóng.

Như vậy, sau khi kết thúc 02 dây hụi bà C còn nợ chị D 34.000.000 đồng tiền hụi chết, chị D tiếp tục đòi thì bà trả nhiều lần tính đến ngày 21/6/2019 (nhằm ngày 19/5/2019 al) trả được 15.000.000 đồng (trong đó dây hụi thứ nhất 3.000.000đ, dây hụi thứ hai 12.000.000đ) rồi hai bên xảy ra xô xát, bà C ngưng không đóng tiếp đến nay còn nợ 19.000.000 đồng.

Do đó, chị D khởi kiện yêu cầu bà C và ông Trần Văn Nhi (chồng bà C) liên đới trả cho chị D 19.000.000 đồng. Tại phiên hòa giải ngày 18/10/2019 chị D rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Nhi chỉ yêu cầu bà C trả nợ.

Tại bản tự khai ngày 26 tháng 8 năm 2019, các biên bản hòa giải và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phan Hồng C trình bày:

Thống nhất lời trình bày của chị D về việc bà tham gia 02 dây hụi do chị D làm chủ, bà thừa nhận đã hốt hụi và nhận đủ tiền hụi như chị D trình bày, nhưng bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị D, lý do: Sau khi hốt hụi, hàng tháng bà đều đóng hụi chết cho chị D đầy đủ cho đến khi mãn hụi, nên bà không còn nợ chị D 19.000.000 đồng tiền hụi như chị D trình bày.

Tại văn bản ngày 13 tháng 9 năm 2019 ông Trần Văn N trình bày: Ông không biết gì về việc bà C tham gia 02 dây hụi của chị D, giao dịch này không liên quan đến ông, ông xin vắng mặt không dự phiên tòa.

Chị D đại diện cho anh Trịnh Hiếu N trình bày: Tiền dùng để giao dịch trong hai dây hụi là tài sản chung của vợ chồng (D – N), tuy nhiên anh N không đứng ra yêu cầu mà giao cho chị toàn quyền quyết định, nên chị yêu cầu bà C trả tiền cho chị.

Tại biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án (bút lục 91):

- Các đương sự thống nhất với nhau: Danh sách hụi ngày 16/9/2016al và ngày 29/8/2016al do bà C giao nộp cho Tòa án chính là danh sách hụi của chị D giao cho các thành viên tham gia dây hụi, thống nhất về loại hụi, phần hụi, tiền hoa hồng, ngày mở hụi, ngày kết thúc, số tiền đóng hụi sống, số tiền hốt hụi và thống nhất thời điểm bà C ngừng đóng hụi chết cho chị D kể từ ngày 21/6/2019 (nhằm ngày 19/5/2019al).

- Vấn đề không thống nhất: Chị D yêu cầu bà C trả số tiền hụi chết còn nợ của 02 dây hụi tổng cộng là 19.000.000 đồng nhưng bà C không đồng ý vì cho rằng 02 dây hụi đã kết thúc từ lâu, tính đến ngày 21/6/2019 bà đã trả cho chị D xong hết tiền hụi chết, hiện bà không còn nợ tiền hụi của chị D.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2019/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 91, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn bà Phan Hồng C có nghĩa vụ trả cho chị Trần Ngọc D số tiền hụi 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18 tháng 11 năm 2019, bà C có đơn kháng cáo yêu cầu bác đơn khởi kiện của chị D vì bà đã đóng tiền hụi chết cho chị D xong, bà không còn nợ chị D 19.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án, bà C vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phan Hồng C, giữ nguyên bản án sơ thẩm, bà C được miễn tiền án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 05 tháng 11 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện T tuyên án sơ thẩm đến ngày 18 tháng 11 năm 2019 bà Phan Hồng C nộp đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của bà C trình bày: Sau khi hốt hụi thì bà C đã đóng hụi chết cho chị D đầy đủ, chị D không có chứng cứ gì để chứng minh bà C còn nợ 19.000.000 đồng nên đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của chị D.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc chị D giao tiền hốt hụi cho bà C cũng như bà C đóng tiền hụi cho chị D hàng tháng hai bên đều không lập sổ sách ký nhận rõ ràng.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm (tại biên bản hòa giải bút lục số 91) bà C xác định thời điểm bà ngừng đóng tiền hụi chết cho chị D là ngày 21/6/2019 nhằm ngày 19/5/2019al. Nghĩa là sau khi kết thúc 02 dây hụi (dây hụi thứ nhất kết thúc vào ngày 16/11/2018, dây hụi thứ hai kết thúc vào ngày 29/01/2019) bà C vẫn còn nợ chị D tiền hụi chết là có thật. Như vậy, nghĩa vụ của bà C phải chứng minh đến thời điểm 21/6/2019 đã trả tiền hụi chết cho chị D xong, tuy nhiên bà không xuất trình được chứng cứ để chứng minh điều này.

Bà C thừa nhận đã nhận đủ tiền hốt hụi của cả hai dây hụi do chị D giao, những người cùng tham gia chơi hụi như: Chị Hồ Thị K, anh Nguyễn Văn B đều xác nhận không nghe chị D tuyên bố vỡ hụi, bản thân bà C cũng xác nhận 02 dây hụi kết thúc đúng thời điểm thỏa thuận, không vỡ hụi. Điều này thể hiện, chị D là chủ hụi có thực hiện nghĩa vụ đóng hụi thay bà C đến khi kết thúc các dây hụi.

Theo Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường:

- Tại Điều 28 quy định quyền của chủ hụi trong hụi hưởng hoa hồng: Được yêu cầu thành viên không góp hụi phải hoàn trả phần hụi trong trường hợp chủ hụi đã góp thay cho thành viên đó.

- Tại Điều 30 quy định về trách nhiệm của thành viên không góp hụi: Trong trường hợp thành viên không góp hụi, chủ hụi đã góp các phần hụi thay cho thành viên đó thì thành viên phải trả cho chủ hụi các phần hụi chậm trả và khoản lãi đối với các phần hụi chậm trả.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bà C trả cho chị D 19.000.000 đồng tiền hụi là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu kháng cáo của bà C là không có căn cứ chấp nhận. Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có căn cứ chấp nhận.

Do bà C là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Hồng C, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 42/2019/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng: Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 28, Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Buộc bà Phan Hồng C trả cho chị Trần Ngọc D số tiền hụi 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng).

2. Bà Phan Hồng C được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

3. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Tổ Nghiệp vụ TAND tỉnh VL;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự: Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Kim Chi